

Phụ lục VI  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch CK VN)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NƯỚC  
THỦ DẦU MỘT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/CBTT/2023

Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 12 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Mã chứng khoán: TDM
- Địa chỉ: Số 11B Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP TDM, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại liên hệ: 02743 842255

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- Ngày 14/12/2023, Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một đã nhận Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng được Ủy ban chứng khoán Nhà nước phê duyệt cùng các phụ lục đính kèm.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/12/2023 tại đường dẫn: <http://www.TDMWATER.VN/CongBoThongTin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Tài liệu đính kèm**

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố.

Đại diện tổ chức  
Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Trần Thế Hưng

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

### CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013 và thay đổi lần thứ 07 ngày 01/10/2020)

### CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 426.../GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 11 tháng 10 năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... / ... /2023 tại:

#### TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



#### CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Địa chỉ: Số 11B Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (84-27) 4384 2255

Fax: (84-27) 4384 1838

Website: <http://www.tdmwater.vn>

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN



#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3914 3588

Fax: +84 28 3914 3209

Website: [www.vietcap.com.vn](http://www.vietcap.com.vn)

#### Phụ trách công bố thông tin:

Ông Trần Thế Hưng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84-27) 4384 2255 – 4384 2277

TP. Hồ Chí Minh, tháng 12/2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

*(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013 và thay đổi lần thứ 07 ngày 01/10/2020)*



**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU CÔNG CHÚNG**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	30.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	10.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	100.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**Vietcap**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3914 3588

Fax: +84 28 3914 3209

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**



**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 1990

Fax: (84-24) 3824 3973

## MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	4
1.	Tổ chức phát hành .....	4
2.	Tổ chức tư vấn.....	4
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1.	Rủi ro kinh tế.....	5
2.	Rủi ro về luật pháp.....	9
3.	Rủi ro do đặc thù ngành.....	10
4.	Rủi ro của đợt chào bán.....	11
5.	Rủi ro pha loãng .....	11
6.	Rủi ro quản trị công ty.....	13
7.	Rủi ro khác.....	14
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	15
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	16
1.	Giới thiệu về tổ chức phát hành.....	16
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	18
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một.....	20
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một.....	21
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối .....	28
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty.....	30
7.	Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.....	34
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành .....	37
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài .....	38
10.	Hoạt động kinh doanh.....	38
11.	Chính sách đối với người lao động.....	61
12.	Chính sách cổ tức.....	64
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất .....	65
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty .....	65
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	65
16.	Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	66
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH .....	67
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	67
2.	Tình hình tài chính.....	69
3.	Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty.....	76
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	76

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 78	
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	78
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	78
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	82
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....	113
1. Loại cổ phiếu .....	113
2. Mệnh giá.....	113
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	113
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	113
5. Giá chào bán .....	113
6. Đối tượng chào bán.....	113
7. Phương thức chào bán .....	113
8. Tỷ lệ thực hiện quyền .....	113
9. Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh.....	113
10. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phần không chào bán hết trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua (Cổ Phần Cần Phân Phối).....	114
11. Chuyển nhượng quyền mua.....	114
12. Đăng ký mua cổ phiếu.....	114
13. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	115
14. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu .....	116
15. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	116
16. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	116
17. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán.....	117
18. Thông tin về các cam kết.....	118
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	118
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	119
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN.....	125
1. Tổ chức tư vấn.....	125
2. Tổ chức kiểm toán .....	125
XI. PHỤ LỤC .....	126

**NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**1. Tổ chức phát hành**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

<b>Nguyễn Văn Trí</b>	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
<b>Trần Thế Hưng</b>	Chức vụ: Tổng Giám đốc
<b>Nguyễn Duy Khang</b>	Chức vụ: Kế toán trưởng
<b>Nguyễn Thị Ngọc Thanh</b>	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

**2. Tổ chức tư vấn**

Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 03/2022/HĐ-CF.VCSC ngày 26 tháng 4 năm 2022 và phụ lục số 1 ngày 25/04/2023 với Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một cung cấp.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

## **II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được thành lập với mục tiêu trở thành nhà sản xuất và kinh doanh nước sạch để cung cấp cho khu vực Nam Thủ Dầu Một và huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

### **1. Rủi ro kinh tế**

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

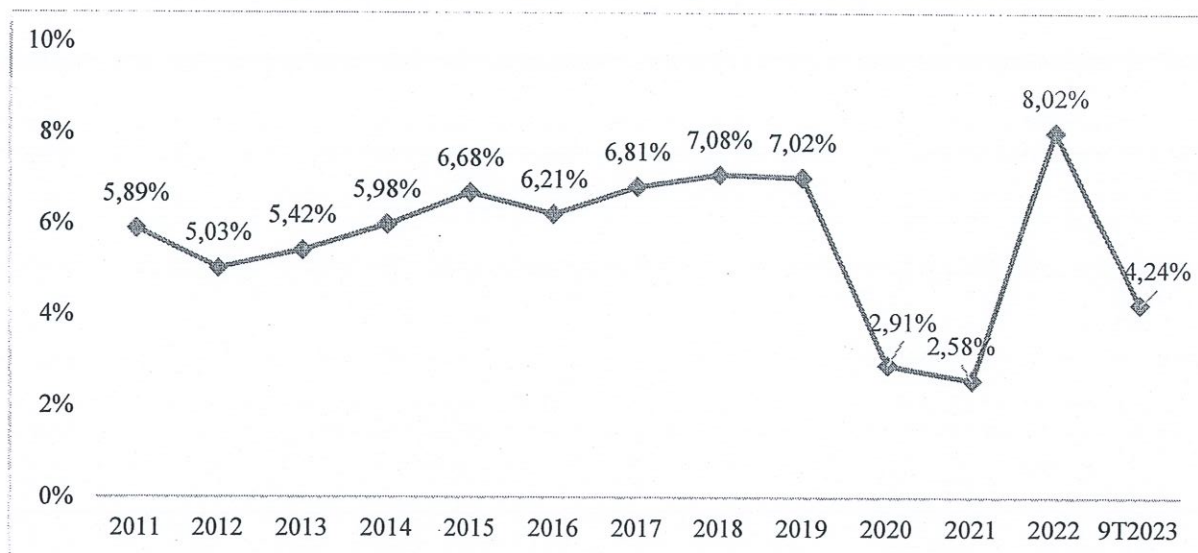
#### **1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tham gia và đàm phán những Hiệp định đa phương và song phương với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, điển hình là hình thành Cộng đồng Kinh tế Asean (AEC), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa 10 nước ASEAN và 06 nước đối tác (RCEP), các Hiệp định thương mại tự do (FTA)... Những Hiệp định này sẽ là cơ hội để Việt Nam hội nhập và nền kinh tế ngày càng tăng trưởng.

Tuy nhiên, tác động của dịch Covid-19 trên toàn thế giới kéo dài trong hai năm 2020, 2021 đã gây tác nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu và là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia. Nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng quốc nội (GDP) của Việt Nam từ đó cũng đã chịu ảnh hưởng đáng kể. Cụ thể, theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2020 tăng 2,91% và năm 2021 chỉ tăng 2,58%.

Hình 1: Tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2011 – 9T2023



Nguồn: Tổng cục thống kê

Việt Nam đã quyết liệt thực hiện lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, đẩy nhanh tốc độ tiêm vaccine phòng Covid-19 và là một trong những nước có tỷ lệ bao phủ vaccine cao trên thế giới. Do vậy, kinh tế Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi, các hoạt động đã được mở cửa lại. Tiếp tục thực hiện mục tiêu vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế xã hội, Việt Nam được kỳ vọng sẽ hồi phục nhanh chóng từ năm 2022 nhờ dịch bệnh gần như đã được kiểm soát tốt. Theo Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh tại Anh (CEBR), dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng trung bình 7% trong giai đoạn 2021-2025 và sẽ vươn lên vị trí thứ 19 thế giới vào năm 2035.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2023 ước tính tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023 nhưng với xu hướng tích cực (quý I tăng 3,28%, quý II tăng 4,05%, quý III tăng 5,33%). Xét trong giai đoạn 2011-2023, kết quả này chỉ cao hơn tốc độ tăng 0,34% của quý II năm 2020, giai đoạn dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. GDP 9 tháng năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước. Đây được xem là mức tăng trưởng phù hợp trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới và tăng trưởng của nhiều quốc gia sụt giảm.

Với hoạt động chính là sản xuất nước sạch, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một sẽ được thúc đẩy nhờ nhu cầu sử dụng nước từ các khu vực phát triển công nghiệp và tốc độ đô thị hóa dân cư. Do đó, tăng trưởng kinh tế khả quan của Việt Nam trong các năm tới sẽ giúp thu hút thêm các nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Thêm vào đó, việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư



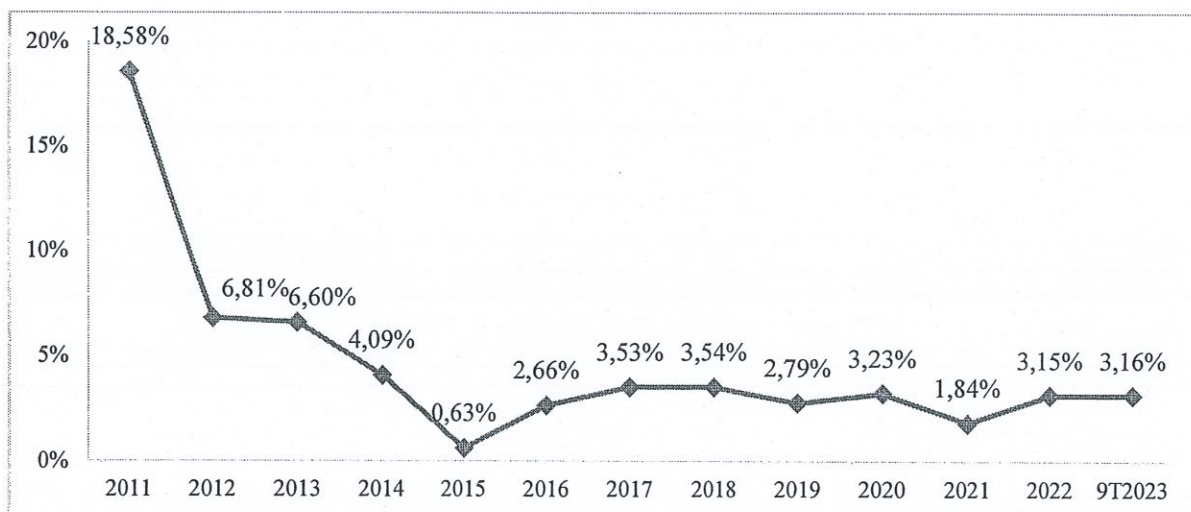
công thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa, v.v., tạo ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một.

### 1.2. *Rủi ro lạm phát*

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến tất cả chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hóa lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường.

Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

**Hình 2: Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2011 – 9T2023**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Lạm phát bình quân năm 2021 tăng 1,84% - mức tăng thấp nhất kể từ năm kể từ năm 2016. Mặc dù giá dầu thô và các hàng hóa khác gia tăng, giá lương thực, thực phẩm và giá các dịch vụ Nhà nước quản lý giá giảm đã giúp giảm áp lực lạm phát.

Theo số liệu công bố của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng cả nước (CPI) bình quân 9 tháng đầu năm 2023 tăng 3,16% so với cùng kỳ 2022. Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước 9 tháng năm 2023 giảm 19,32% so với cùng kỳ 2022, giá gas giảm 11,44% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI.

Đối với hoạt động sản xuất nước sạch của Công ty, chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố gồm có chi phí nguyên vật liệu (chỉ chiếm khoảng 5,9%), chi phí nhân công (chiếm khoảng 2,7%), chi phí khấu hao (chiếm khoảng 60,5%), chi phí dịch vụ mua ngoài (chiếm khoảng 26,6%) và chi phí khác bằng tiền (chiếm khoảng 4,3%) (căn cứ theo khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố trong báo cáo tài chính kiểm toán 2022). Khi lạm phát tăng, các chi phí như nguyên vật liệu,

nhân công và các chi phí mua ngoài cũng sẽ bị điều chỉnh tăng tương ứng, điều này sẽ khiến cho tổng chi phí kinh doanh sẽ tăng lên. Trong khi đó, giá bán nước cho CTCP Tổng Công ty Nước Môi Trường Bình Dương có khả năng chưa được điều chỉnh kịp thời do việc điều chỉnh sẽ phụ thuộc vào quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đơn giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Dương và qua đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

### **1.3. Rủi ro lãi suất**

Bên cạnh lạm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh suy giảm, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

Năm 2021, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục duy trì nới lỏng chính sách tiền tệ, giúp giảm lãi suất cho vay ít nhất 0,5% - 1% trong 2 năm và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và giảm lãi suất cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Môi trường lãi suất thấp sẽ giúp thúc đẩy đầu tư và sản xuất, đặc biệt là đối với Ngành kinh doanh nước sạch khi phần lớn vốn đầu tư vào các dự án là vốn vay từ các tổ chức tín dụng.

Tuy nhiên, sang đến năm 2022, với diễn biến lạm phát đang có chiều hướng gia tăng và các Ngân hàng trung ương các nước trên thế giới đều đồng loạt tăng lãi suất cơ bản. Theo đó, ngày 24/10/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định số 1809/QĐ-NHNN về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, quy định các mức lãi suất của NHNN Việt Nam như sau: Lãi suất tái cấp vốn: 6,0%/năm; Lãi suất tái chiết khấu: 4,5%/năm. Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN Việt Nam đối với tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 7,0%/năm.

Sau 2 lần tăng lãi suất trong năm 2022 thì bước sang năm 2023, bước ngoặt chính sách đã xuất hiện trong chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất với mức giảm từ 0,5% đến 2%/năm. Cụ thể: (1) Giảm 1,5%/năm lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, giảm 2%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD; (2) Giảm 0,5% đến 1,25%/năm lãi suất tối đa

tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng; (3) Giảm 1,5%/năm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế. SBV đã điều chỉnh giảm lãi suất 4 lần vào các ngày 15/03/2023, 03/04/2023, 25/05/2023 và 19/06/2023.

Việc giảm lãi suất huy động sẽ giảm gánh nặng lãi vay và qua đó tác động tích cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tính đến ngày 30/09/2023, dư nợ vay ngắn và dài hạn của TDM đến từ các ngân hàng là 292,3 tỷ đồng. Ngoài ra, TDM đang có khoản tiền gửi hơn 104 tỷ đồng tại các Ngân hàng Thương mại (chi tiết trong BCTC Quý III năm 2023).

#### **1.4. Rủi ro về tỷ giá**

Từ đầu năm 2022 đến nay, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) và nhiều Ngân hàng Trung ương lớn đẩy mạnh lộ trình thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng nhanh lãi suất điều hành, xung đột Nga - Ukraine làm chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục gián đoạn, giá xăng dầu và hàng hóa tăng cao, lạm phát tại nhiều nền kinh tế vượt mức kiểm soát gây biến động lớn trên thị trường quốc tế và trong nước.

Để chủ động thích ứng trước diễn biến khó lường của thị trường quốc tế và định hướng tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất của Fed và các Ngân hàng Trung ương trên thế giới, ngày 17/10/2022, NHNN Việt Nam ban hành Quyết định số 1747/QĐ-NHNN quy định về tỷ giá giao ngay giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép. Theo đó, biên độ tỷ giá giao ngay giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ (USD) được điều chỉnh từ  $\pm 3\%$  lên  $\pm 5\%$ .

Tỷ giá USD/VND được kỳ vọng sẽ biến động trong biên độ hẹp trong năm 2023 sau khi Fed và các Ngân hàng Trung ương trên thế giới cho thấy một số tín hiệu về việc ngừng tăng lãi suất. Bên cạnh đó, trong 5 tháng đầu năm 2023, NHNN đã mua được lượng lớn ngoại tệ với hơn 6 tỷ USD để bổ sung dự trữ ngoại hối. Việc gia tăng dự trữ ngoại hối giúp cho NHNN có nhiều dư địa trong điều hành chính sách linh hoạt và ổn định tỷ giá, nâng cao giá trị tiền đồng, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường biến động mạnh.

Hiện nay, hầu hết hoạt động kinh doanh chính của Công ty được giao dịch bằng đồng nội tệ (Việt Nam đồng), trừ Ngân hàng TNHH MTV Woori – chi nhánh Dubai (giá trị khoản vay là 5.000.000 USD với tỷ giá thả nổi). Do đó, nếu có biến động về tỷ giá thì sẽ chỉ ảnh hưởng đến khoản vay với Ngân hàng này. Như đã trình bày ở trên, tỷ giá USD/VND được kỳ vọng sẽ biến động trong biên độ hẹp trong năm 2023, do đó biến động tỷ giá bất lợi (nếu có) sẽ không ảnh hưởng lớn kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023.

#### **2. Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần, trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán

và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn bị điều chỉnh bởi Luật Tài Nguyên Nước trong quá trình hoạt động kinh doanh nước. Hiện nay, hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

### **3. Rủi ro do đặc thù ngành**

#### **3.1. Rủi ro về giá bán**

Với đặc thù của ngành nghề kinh doanh nước sạch, giá bán nước sạch của Công ty do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương quy định, trong khi đó giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng đến giá thành nước tăng. Giá bán nước cho BWE có khả năng chưa được điều chỉnh kịp thời do việc điều chỉnh sẽ phụ thuộc quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đơn giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Dương và qua đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

#### **3.2. Rủi ro về tỷ lệ thất thoát nước**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tỷ lệ thất thoát nước luôn là mối quan tâm của Công ty. Đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành cung cấp nước sạch, nước luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Công ty có rủi ro đặc thù là thất thoát nước trong quá trình cung cấp nước sạch cho khách hàng. Tỷ lệ thất thoát nước của Công ty vào khoảng 0,1%. Do Công ty chỉ quản lý và điều hành hai (02) Nhà máy Nước Dĩ An và Nhà máy Nước Bàu Bàng và cấp nước trực tiếp qua đồng hồ tổng (cấp si) cho CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương nên Công ty có thể chủ động kiểm tra rò rỉ nếu có.

#### **3.3. Rủi ro liên quan đến chất lượng nước đầu vào**

Tình trạng biến đổi khí hậu, mùa hạn kéo dài thất thường, thiên tai liên tục xảy ra làm nước sông đang dần bị nhiễm mặn. Thêm vào đó, quá trình công nghiệp hóa càng làm gia tăng vấn đề ô nhiễm nguồn nước, làm ảnh hưởng đến nguồn nước thô của các doanh nghiệp sản xuất nước sạch. Để giải quyết nguồn nước đầu vào bị xuống cấp, Công ty luôn lấy mẫu nước kiểm tra, xét nghiệm hàng ngày theo quy định để kịp thời xử lý. Đảm bảo nước sau xử lý đạt “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01: 2009/BYT về chất lượng nước ăn uống”.

#### **4. Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty. Bên cạnh đó, đợt chào bán của Công ty cũng không có đơn vị bảo lãnh phát hành. Do vậy, có thể xảy ra rủi ro các cổ đông không thực hiện quyền mua, dẫn đến Công ty không huy động đủ vốn như dự kiến để triển khai theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tuy nhiên, rủi ro từ đợt chào bán này được đánh giá là khá thấp vì đối tượng được chào bán là cổ đông hiện hữu của Công ty, là những người hiểu rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh, cũng như năng lực Ban lãnh đạo Công ty. Đồng thời, cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 30.000 đồng/cổ phiếu, cao hơn 52% so với giá trị sổ sách tại 31/03/2023 và thấp hơn 20% so với trung bình giá đóng cửa cổ phần TDM trong 30 phiên gần nhất tính đến ngày 30/09/2023. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán.

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT sẽ tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính để mua số cổ phần không phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, HĐQT cũng chủ động tìm kiếm thêm nguồn tài trợ khác để bảo đảm huy động vốn đủ phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty hoặc sẽ cân nhắc điều chỉnh cơ cấu vốn (sử dụng nguồn vốn vay và vốn huy động hợp pháp khác) để thực hiện kế hoạch đầu tư. Tuy nhiên, phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận kinh doanh của Công ty.

#### **5. Rủi ro pha loãng**

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một doanh nghiệp. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra ảnh hưởng như sau:

- Phần trăm sở hữu hay quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu có thể giảm xuống nếu các cổ đông hiện hữu không tham gia mua cổ phần phát hành thêm trong khi vốn điều lệ Công ty sẽ tăng lên sau đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng với sự tham gia của các cổ đông khác;
- Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm 2023. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại.
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

##### **5.1. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành thêm**

Giá cổ phần TDM sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu trong trường hợp giá giao dịch tại ngày thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán. Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R}$$

– Trong đó:

*P*: là giá thị trường của cổ phần sau khi bị pha loãng

*P<sub>t-1</sub>*: là giá thị trường của cổ phần trước khi bị pha loãng

*I<sub>R</sub>*: tỷ lệ vốn tăng

*P<sub>R</sub>*: là giá cổ phần sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới

– Tham khảo:

*P<sub>t-1</sub>*: Giá sử, giá cổ phiếu TDM trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 35.000 đồng/cổ phiếu

*P<sub>R</sub>*: Giá cổ phần sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới là 30.000 đồng/cổ phiếu

*I<sub>R</sub>*: tỷ lệ vốn tăng khi chào bán và phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10% (tỷ lệ 10:1)

*P*: Giá tham chiếu cổ phiếu TDM trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R} = \frac{35.000 + (10\% \times 30.000)}{1 + 10\%} = 34.545 \text{ đồng/cổ phần}$$

## **5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu**

EPS = Lợi nhuận sau thuế / Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân

EPS năm 2022 theo Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty là 2.028 đồng/cổ phần và 9T2023 là 2.208 đồng/cổ phần theo Báo cáo tài chính quý 3/2023. Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa thể tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay. Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

### **5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu**

$BVPS = (\text{Nguồn VCSH hợp nhất} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát} - \text{Giá trị cổ phần ưu đãi theo mệnh giá} - \text{Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình}) / (\text{Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ} - \text{Số lượng cổ phần ưu đãi})$

Tại thời điểm 31/12/2022, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 19.904 đồng/cổ phần và tại thời điểm 30/09/2023 là 20.273 đồng/cổ phần.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại.

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

### **5.4. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của Cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

## **6. Rủi ro quản trị công ty**

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. Do vậy doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu, giảm thiểu tối đa rủi ro cho doanh nghiệp.

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) và khách quan (biến động thị trường, thay đổi văn bản luật) gây tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất lao động... Do vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các rủi ro này để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản trị.

Đối với Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một, để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro này, Công ty luôn chuẩn bị các kế hoạch rà soát chính sách, quy trình nội bộ ... để đảm bảo mọi quyết định, hoạt động của các cấp quản lý luôn chính xác, đạt được mục tiêu chung của Công ty. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty còn hợp tác với đơn vị tư vấn có uy tín để có được sự hỗ trợ tốt nhất trong việc cập nhật đầy đủ sự thay đổi của các văn bản luật, giúp Ban lãnh đạo đưa ra quyết định chính xác, đảm bảo lợi ích của Công ty.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi



của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

#### **7. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro do thiên tai (bão, lũ...), dịch bệnh, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*




**III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT**

▪ BB	Biên bản
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ BTGD	Ban Tổng Giám đốc
▪ BKS	Ban Kiểm soát
▪ BIWASE / BWE	Công ty Cổ phần – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương
▪ CBCNV	Cán bộ công nhân viên
▪ GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
▪ CNTT	Công nghệ thông tin
▪ Công ty/TDMWATER/TDM	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
▪ CTCP	Công ty cổ phần
▪ CTW	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
▪ DTT	Doanh thu thuần
▪ Dowaco	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ Điều lệ	Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
▪ ĐVT	Đơn vị tính
▪ GIWACO	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân
▪ HĐKD	Hoạt động kinh doanh
▪ HĐLĐ	Hợp đồng lao động
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ KH&ĐT	Kế hoạch & Đầu tư
▪ NMN	Nhà máy nước
▪ SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
▪ TGD	Tổng Giám đốc
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
▪ Tổ chức tư vấn, Vietcap	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ TTLKCK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ NHNN	Ngân hàng Nhà nước
▪ VDL	Vốn điều lệ
▪ SCADA	Hệ thống giám sát điều khiển và thu thập dữ liệu

#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

##### **1. Giới thiệu về tổ chức phát hành**

Tên đầy đủ	:	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT
Tên tiếng Anh	:	THU DAU MOT WATER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	TDMWATER.CO
Biểu tượng của Công ty	:	
Giấy chứng nhận ĐKDN	:	Số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013 và thay đổi lần thứ 07 ngày 01/10/2020
Trụ sở chính	:	Số 11B, đường Ngô Văn Trí, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại	:	(84-27) 4384 2255 – 4384 2277
Fax	:	(84-27) 4384 1838
Website	:	<a href="http://www.tdmwater.vn">www.tdmwater.vn</a>
Vốn điều lệ	:	1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	:	1.000.000.003.750 đồng (Một nghìn tỷ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Người đại diện theo pháp luật	:	Nguyễn Văn Trí (Chủ tịch Hội đồng quản trị)
Mã cổ phiếu	:	TDM
Sàn niêm yết	:	HOSE

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước, với các ngành nghề đăng ký kinh doanh bao gồm:

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

**Bảng 1: Ngành nghề đăng ký kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất.	3600 (Chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Đầu tư, quản lý hệ thống thoát nước	3700
3	Xây dựng công trình công ích	4220
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước	4322
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế cấp thoát nước; - Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật; - Lập dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình.	7110
6	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ vật tư ngành nước	4799
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn vật tư ngành nước	4669
8	Xây dựng nhà các loại	4100
9	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp, hệ thống chiếu sáng công cộng.	4321
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bãi cát)	4663
11	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

STT	Tên ngành	Mã ngành
	(Không hoạt động tại trụ sở chính)	
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
13	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
14	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Dịch vụ tư vấn về môi trường	7490
15	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
16	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ phân tích, đánh giá chất lượng nước, môi trường	7120

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm	Cột mốc quan trọng
<b>Giai đoạn 2013-2020:</b>	
2013	Ngày 07/11/2013 thành lập mới CTCP Nước Thủ Dầu Một hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702226772 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp
2014	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng (NMN Dĩ An), công suất 45.000m <sup>3</sup> /ngày đêm theo quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 10/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Đến tháng 09/2014 nhà máy hoàn thành và đưa vào sử dụng sau gần 9 tháng thi công. Tháng 10/2014, Giai đoạn 1: Nhà máy Nước Nam Thủ Dầu Một công suất 45.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm chính thức đi vào hoạt động.
2015	Sau 3 tháng đi vào hoạt động, công suất nhà máy đạt 80%. Trước tình hình trên Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục triển khai khởi công giai đoạn 2: Nhà máy Nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng (NMN Dĩ An) công suất 45.000m <sup>3</sup> /ngày đêm, nâng tổng công suất lên 90.000m <sup>3</sup> / ngày đêm.
2017	Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy tiềm năng phát triển công nghiệp tại Khu công nghiệp Bàu Bàng thuộc huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương nên đã quyết định đầu tư dự án cấp nước Khu vực Bàu Bàng công suất 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm. Giai đoạn 1 công suất 15.000m <sup>3</sup> /ngày đêm, bao gồm các hạng mục xây dựng trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô và nhà máy xử lý. Nhà máy Nước Bàu Bàng giai đoạn 1 chính thức được đưa vào vận hành ngày 17/02/2017.



Năm	Cột mốc quan trọng
2018	Trong năm 2018, Công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 650 tỷ đồng lên thành 812 tỷ đồng
2019	<p>Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 812 tỷ đồng lên thành 957 tỷ đồng.</p> <p>Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của Khu vực Nam Bình Dương, HĐQT Công ty quyết định đầu tư Dự án “Nâng công suất Nhà máy Nước Dĩ An lên thêm 100.000m<sup>3</sup>/ngày đêm”. Động thổ vào tháng 01/2019 và công trình cơ bản hoàn thành chuẩn bị vận hành thử vào tháng 12/2019.</p>
2020	<p>Dự án “Nâng công suất Nhà máy Nước Dĩ An lên thêm 100.000m<sup>3</sup>/ngày đêm” để nâng tổng công suất lên 200.000m<sup>3</sup>/ngày đêm và được hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng từ tháng 01/2020.</p> <p>Triển khai thi công dự án Hệ thống cấp nước Khu vực Bàu Bàng giai đoạn II, nâng công suất thêm 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Hoàn thành đưa vào sử dụng vào tháng 12/2020.</p> <p>Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 957 tỷ đồng lên thành 1.000 tỷ đồng.</p>
2022	<p>Đầu tư dự án: Hệ Thống Cấp Nước Khu Vực Bàu Bàng Huyện Bàu Bàng – Tỉnh Bình Dương. Hệ thống dẫn nước từ Kênh Phước Hòa đến trạm bơm nước thô – Tuyến ống dẫn nước thô D2500mm. Khởi công ngày 16/02/2022 và hoàn thành đưa vào sử dụng vào ngày 16/05/2023 (15 tháng). Dự án được đưa ngay vào khai thác sau khi hoàn thành.</p>
<b>Giai đoạn công ty đại chúng:</b>	
08/03/2016	CTCP Nước Thủ Dầu Một được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng
21/03/2016	CTCP Nước Thủ Dầu Một được TTLKCK Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán lần đầu với tổng số lượng chứng khoán là 30.000.000 cổ phiếu
01/04/2016	Công ty đã chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu trên UPCOM với mã chứng khoán TDM, đánh dấu một bước phát triển mới của Công ty
07/2017	Công ty phát hành thành công thêm 30.259.482 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên hơn 650 tỷ đồng
12/2017	Công ty phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động và phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 650.404.963.750 đồng lên thành 812.000.003.750 đồng hoàn thành và báo cáo kết quả phát hành ngày 15/01/2018
10/2018	Đến ngày 05/10/2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch tại SGDK thành phố Hồ Chí Minh theo “Quyết định số 397/QĐ-SGDHCM ngày 05/10/2018”

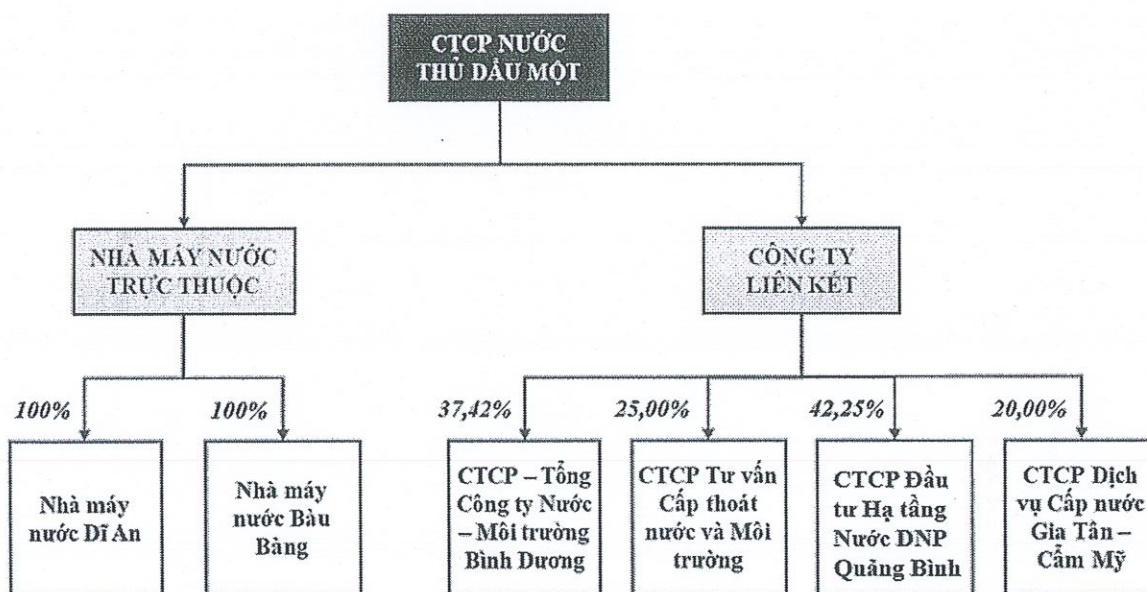


Năm	Cột mốc quan trọng
09/2019	Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai và Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư, nâng vốn điều lệ từ 812 tỷ đồng lên thành 957 tỷ đồng
09/2020	Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, nâng vốn điều lệ từ 957 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng

*Nguồn: CTCP Nước Thủ Dầu Một*

### 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một

Tại thời điểm hiện tại, TDMWATER đóng vai trò là đơn vị đầu tư và quản lý vận hành trực tiếp các nhà máy nước trực thuộc, không thông qua sở hữu bất kỳ công ty con nào. Bên cạnh đó, TDMWATER mở rộng hoạt động kinh doanh bằng cách đầu tư vào các công ty liên kết hoạt động trong cùng lĩnh vực. Tại thời điểm hiện tại, TDMWATER có 04 công ty liên kết đang hoạt động. Cơ cấu tổ chức của CTCP Nước Thủ Dầu Một và các công ty liên kết được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sơ đồ bên dưới:

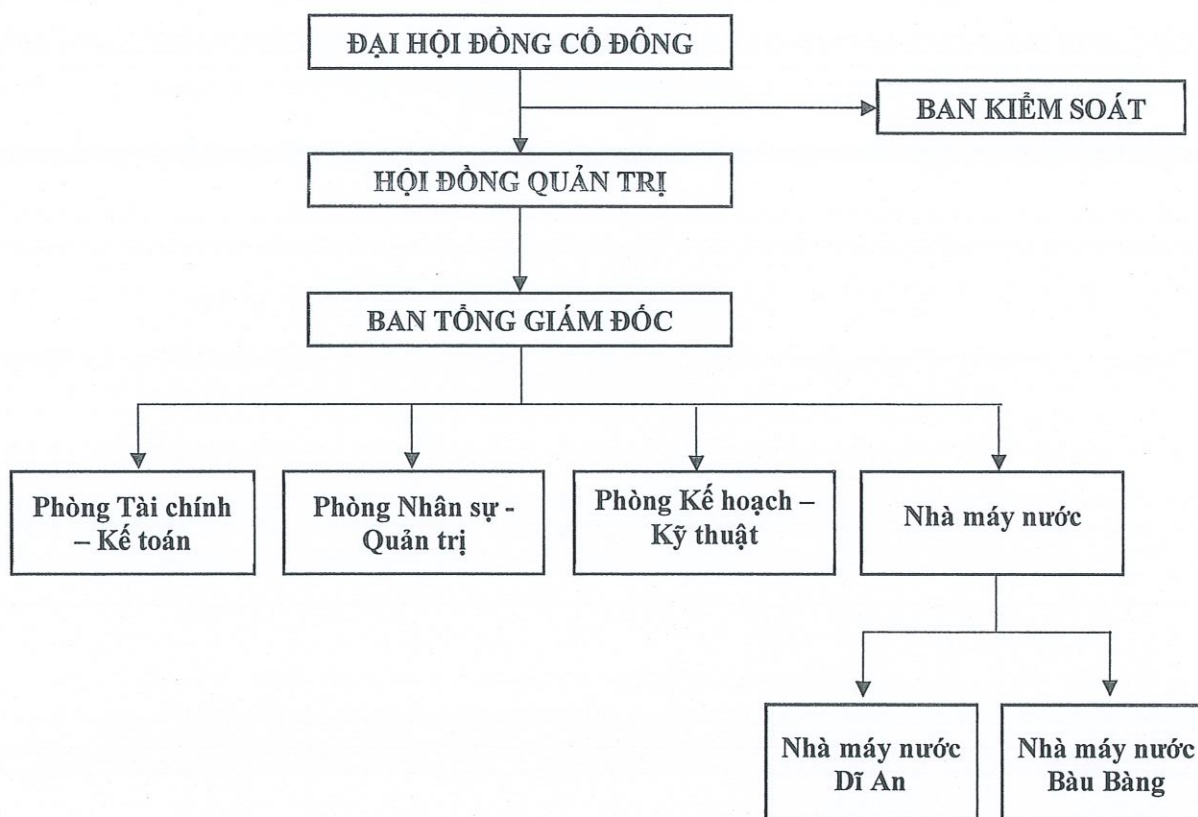


*Nguồn: CTCP Nước Thủ Dầu Một*

*Ghi chú: Tỷ lệ tại các công ty liên kết trong sơ đồ là tỷ lệ lợi ích của TDMWATER.*

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

#### 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một



Nguồn: CTCP Nước Thủ Dầu Một

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

##### 4.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức ít nhất một năm một lần. ĐHĐCĐ họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

##### 4.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại HĐQT của CTCP Nước Thủ Dầu Một có 05 thành viên.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra.

HĐQT của CTCP Nước Thủ Dầu Một bao gồm 05 thành viên:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Trí	Chủ tịch HĐQT
2	Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Thị Diên	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Hữu Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập

*Nguồn: CTCP Nước Thủ Dầu Một*

#### **4.3. Ban Kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và BCTC của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên.

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, chủ yếu là các quyền, nghĩa vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về tính pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm của Công ty.
- Thảo luận về những khó khăn tồn tại, phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty;
- Xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát gồm:



STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Mộng Thường	Thành viên BKS
3	Lê Bạch Liên	Thành viên BKS

*Nguồn: CTCP Nước Thủ Dầu Một*

#### **4.4. Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám Đốc (BTGD) của Công ty gồm có Tổng Giám Đốc (TGD) và Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng. TGD do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng mà Công ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty.
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản liên quan đến Hợp đồng lao động của họ.
- Trình Hội đồng quản trị phê duyệt các kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Duy Khang	Kế toán trưởng

*Nguồn: CTCP Nước Thủ Dầu Một*

#### **4.5. Các phòng ban của Công ty và chức năng nhiệm vụ**

Các phòng ban chức năng có chức năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao và chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về phần việc được phân công.

##### **• Phòng Tài chính – Kế toán**

- Lập các báo cáo tài chính và quyết toán tài chính theo quy định. Báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty và các bộ phận trực thuộc theo tháng, quý, 6 tháng, năm để giúp Ban Tổng Giám đốc nắm chắc nguồn vốn, lãi, lỗ và các tình hình tài chính của Công ty.
- Lập kế hoạch tài chính năm, cân đối nguồn vốn.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc phát triển sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm quản lý vốn, thu hồi vốn.
- Tham gia tính toán hiệu quả các chương trình đầu tư của công ty để tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát, hướng dẫn và đôn đốc về mặt nghiệp vụ tài chính đối với các bộ phận trực thuộc.
- Tổ chức hạch toán, kế toán toàn Công ty.
- Tổ chức hạch toán, kế toán về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng luật kế toán thống kê của Nhà nước.
- Tổ chức thu hồi công nợ đạt hiệu quả tốt nhất.
- Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Lập kế hoạch, trình và tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất phương án kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.
- Tổ chức thực hiện phương án và tìm kiếm thị trường cho từng loại hình kinh doanh.
- Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng theo từng lĩnh vực kinh doanh.
- Lập kế hoạch tổ chức thực hiện tìm các dự án, phối hợp cùng Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật tính toán và tham gia dự thầu các dự án phù hợp với chức năng hoạt động của Công ty.
- Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về công tác sản xuất kinh doanh và có quyền có ý kiến trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

##### **• Phòng Nhân sự – Quản trị**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về tổ chức bộ máy của Công ty, bố trí nhân sự phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty.

- Quản lý các tài sản khác ngoài Nhà máy Nước.
- Tham mưu soạn thảo nội quy/ thỏa ước của Công ty, đồng thời theo dõi, rà soát việc thực hiện nội quy/ các thỏa ước được duyệt, thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, vệ sinh lao động của Công ty và các bộ phận trực thuộc; kết hợp công tác đối ngoại và phối hợp với các bộ phận, đơn vị có liên quan để thực hiện các công tác này.
- Thực hiện và xây dựng các kế hoạch hội họp, xây dựng lịch công tác của Công ty theo từng tháng, chuẩn bị địa điểm, tài liệu về các cơ sở vật chất khác cho các cuộc hội họp của Công ty. Trực tiếp ghi biên bản, hoàn chỉnh và trình ký đồng thời triển khai nội dung đến các bộ phận lưu giữ.
- Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về công tác sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, an ninh và các công tác khác, được phát biểu ý kiến trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý hồ sơ, lý lịch công nhân viên toàn Công ty, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước và theo quy định của Công ty.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về quy hoạch cán bộ, xây dựng các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên; tiếp nhận hồ sơ xin việc, nghiên cứu tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về việc đề bạt, phân công cán bộ quản lý của Công ty và các bộ phận trực thuộc theo phân cấp.
- Quản lý lao động tiền lương của cán bộ công nhân viên, phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán xây dựng Tổng Quỹ lương và phân bổ quỹ lương, tiền thưởng Công ty và các bộ phận trực thuộc.
- **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật**
  - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
  - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tính toán các chương trình đầu tư, kinh doanh của Công ty.
  - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về tình hình thị trường liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nghiên cứu thị trường, đề xuất để mở rộng địa bàn hoạt động của Công ty.
  - Lập kế hoạch – lên báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo định kỳ. Giúp Ban Tổng Giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các biện pháp để hoàn thành kế hoạch đề ra.
  - Lập và theo dõi tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng giao nhận thầu thi công, các hợp đồng liên doanh, liên kết, các hợp đồng giao việc trong nội bộ Công ty.

- Tổ chức thực hiện hoặc thuê các đơn vị có chức năng thiết lập: dự toán, hồ sơ pháp lý liên quan đến các dự án và các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo đúng quy định hiện hành về xây dựng cơ bản; lập trình duyệt các dự án đầu tư, quyết định giao đất, giấy phép xây dựng, giấy phép khai thác nước mặt.
- Nghiên cứu, đề xuất các phương án kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật có hiệu quả cao nhất trong đầu tư.
- Tổ chức thực hiện hoặc tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc chọn đơn vị tư vấn về quản lý xây dựng, khảo sát thiết kế, giao nhận và tổ chức thi công các công trình đầu tư của Công ty.
- Khảo sát thiết kế, lập dự toán cho các công trình, hạng mục công trình xây lắp, điện nước, trang thiết bị thuộc các dự án đầu tư của Công ty.
- Kiểm tra hồ sơ thiết kế, dự toán, giám sát kỹ thuật thi công, quyết toán, hoàn công của các hạng mục, công trình đầu tư của Công ty.
- Quản lý chất lượng công trình, lưu trữ hồ sơ quản lý chất lượng hạng mục công trình; đề xuất với Ban Tổng Giám đốc các biện pháp kỹ thuật đối với các sự cố trong quá trình thi công.
- Tổ chức nghiệm thu, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.
- Chịu trách nhiệm trong công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến công nghệ trong lĩnh vực thi công, lĩnh vực trang thiết bị, công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Quản lý, lưu trữ và phổ biến các hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sử dụng hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ máy móc thiết bị, quy trình vận hành và các hồ sơ khác có liên quan.
- Tiếp nhận chuyển giao và quản lý các quy trình vận hành thiết bị, công nghệ sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật.
- Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh và được phát biểu ý kiến về mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

• **Các Nhà máy nước**

Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung trong việc quản lý Nhà máy Nước Dĩ An và Nhà máy Nước Bàu Bàng, cụ thể:

- Đảm bảo số lượng và chất lượng nước cung cấp qua đồng hồ tổng cho CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Thường xuyên kiểm tra giám sát chất lượng nguồn nước.
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị để kịp thời phát hiện sự cố và sửa chữa, khắc phục, bảo trì.

- Đảm bảo công tác vệ sinh công nghiệp (máy phát, phòng bơm, hồ chứa nước, họng thu, bể xử lý...)
- Đề xuất, kiểm tra, quản lý, giữ an ninh và an toàn nhà máy, tài sản.
- Sử dụng phương pháp tiết kiệm năng lượng, hóa chất, nhân công,...
- Nghiên cứu, khắc phục, xử lý và báo cáo.
- Cập nhật các thông số vận hành từng ngày bằng hệ thống phần mềm SCADA và chuyển dữ liệu về Văn phòng Công ty.
- Tổ chức và điều hành toàn bộ các hoạt động của nhà máy.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất và tổng hợp thiết bị dự phòng, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị.
- Kiểm tra đôn đốc nhân sự làm việc tại nhà máy.
- Chịu trách nhiệm trước Ban Điều hành về hoạt động của Nhà máy nước.
- Thường xuyên nghiên cứu, học hỏi các công nghệ mới để áp dụng.
- Quản lý hoạt động Nhà máy Nước Dĩ An: đảm bảo cung cấp nước liên tục cho khu vực Nam Thủ Dầu Một và các vùng lân cận.
- Giám sát hoạt động Nhà máy Nước Bàu Bàng: đảm bảo cung cấp nước liên tục cho khu vực huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương và các vùng lân cận.

+ Trạm bơm nước thô: Phó Quản đốc chịu trách nhiệm quản lý tất cả các công trình, hạng mục thuộc cụm nước thô; Quản lý, vận hành, kiểm tra theo dõi tất cả các thiết bị máy móc tại Trạm bơm; Quản lý, chăm sóc, khai thác các loại cây công nghiệp của Trạm bơm và tài sản khác thuộc phạm vi Trạm bơm; Kiểm tra, theo dõi, vệ sinh tuyến ống nước thô D1800 từ kênh Phước Hòa đến hồ chứa trạm nước thô; Giữ gìn vệ sinh khu vực phía ngoài họng thu kênh Phước Hòa...

+ Nhà máy xử lý nước sạch: Quản đốc chịu trách nhiệm quản lý tất cả các công trình, hạng mục thuộc Nhà máy xử lý; Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước nguồn, chất lượng nước sau xử lý; Nghiên cứu đưa ra các chỉ tiêu để xác định lượng hóa chất hợp lý nhất, các quy trình vận hành tiết kiệm và hiệu quả; Báo cáo tuần, tháng, hóa chất, nhiên liệu; Dự báo được tình trạng vận hành của từng hạng mục; Nắm bắt được các thông số vận hành của các máy móc thiết bị có liên quan; Thường xuyên theo dõi bảo trì các thiết bị có liên quan (các thiết bị đo online, thí nghiệm, ...) tránh các sự cố xảy ra; Theo dõi, giám sát chất lượng nước thô (Trạm bơm nước thô) quá trình xử lý nước (ca sản xuất); Theo dõi SCADA liên tục; Đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đúng tiêu chuẩn.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của Công ty

Không có

5.2. Công ty con trực tiếp của Công ty

Không có

5.3. Công ty con gián tiếp của Công ty

Không có.

5.4. Công ty liên kết của Công ty

Stt	Công ty liên kết														
1	<p><b>Công ty Cổ phần – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương (BWE)</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>Ngày thành lập: 07/02/2006</li><li>GCN ĐKDN: Số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023</li><li>Địa chỉ: 11 Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.</li><li>Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và cung cấp nước sạch; xử lý chất thải và nước thải</li><li>Vốn điều lệ đăng ký: 1.929.200.000.000 đồng</li><li>Tình hình góp vốn: Đã góp đủ.</li><li>Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM tại BWE:</li></ul> <table border="1"><thead><tr><th>Thời điểm</th><th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th><th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th><th>Ghi chú</th></tr></thead><tbody><tr><td>Năm 2021</td><td>37,42%</td><td>37,42%</td><td rowspan="3">Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí</td></tr><tr><td>Năm 2022</td><td>37,42%</td><td>37,42%</td></tr><tr><td>Hiện tại</td><td>37,42%</td><td>37,42%</td></tr></tbody></table> <ul style="list-style-type: none"><li>Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của BWE tại TDM trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0%</li></ul>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2021	37,42%	37,42%	Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí	Năm 2022	37,42%	37,42%	Hiện tại	37,42%	37,42%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú												
Năm 2021	37,42%	37,42%	Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí												
Năm 2022	37,42%	37,42%													
Hiện tại	37,42%	37,42%													
2	<p><b>Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi Trường (WASE)</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>Ngày thành lập: 28/12/2006</li><li>GCN ĐKDN: Số 0300394676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/5/2017</li><li>Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</li><li>Hoạt động kinh doanh chính: Tư vấn xây dựng</li></ul>														

Stt	Công ty liên kết														
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Vốn điều lệ đăng ký: 8.000.000.000 đồng</li> <li>▪ Tình hình góp vốn: Đã góp đủ.</li> <li>▪ Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM tại CTCP Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường:</li> </ul> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năm 2021</td> <td>25,00%</td> <td>25,00%</td> <td rowspan="3">Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí</td> </tr> <tr> <td>Năm 2022</td> <td>25,00%</td> <td>25,00%</td> </tr> <tr> <td>Hiện tại</td> <td>25,00%</td> <td>25,00%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường tại TDM trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0%</li> </ul>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2021	25,00%	25,00%	Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí	Năm 2022	25,00%	25,00%	Hiện tại	25,00%	25,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú												
Năm 2021	25,00%	25,00%	Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí												
Năm 2022	25,00%	25,00%													
Hiện tại	25,00%	25,00%													
<b>3</b>	<p><b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Cấp nước Gia Tân – Cẩm Mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ngày thành lập: 01/08/2022</li> <li>▪ GCN ĐKDN: Số 3603879851 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/08/2022.</li> <li>▪ Địa chỉ: Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam</li> <li>▪ Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và cung cấp nước sạch</li> <li>▪ Vốn điều lệ đăng ký: 60.000.000.000 đồng</li> <li>▪ Tình hình góp vốn: Đang thực hiện góp vốn theo tiến độ</li> <li>▪ Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cấp nước Gia Tân – Cẩm Mỹ:</li> </ul> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năm 2021</td> <td>0%</td> <td>0%</td> <td rowspan="3">Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí</td> </tr> <tr> <td>Năm 2022</td> <td>0%</td> <td>0%</td> </tr> <tr> <td>Hiện tại</td> <td>20,00%</td> <td>20,00%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cấp nước Gia Tân – Cẩm Mỹ tại TDM trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0%</li> </ul>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2021	0%	0%	Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí	Năm 2022	0%	0%	Hiện tại	20,00%	20,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú												
Năm 2021	0%	0%	Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí												
Năm 2022	0%	0%													
Hiện tại	20,00%	20,00%													
<b>4</b>	<p><b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ngày thành lập: 2017</li> <li>▪ GCN ĐKDN: 3101091785</li> <li>▪ Địa chỉ: Thôn Tùng Giang, Xã Quảng Châu, Huyện Quảng Trách, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam</li> </ul>														

Stt	Công ty liên kết														
	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và cung cấp nước sạch</li> <li>▪ Vốn điều lệ đăng ký: 60.000.000.000 đồng</li> <li>▪ Tình hình góp vốn: Đã góp đủ</li> </ul> <p>Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năm 2021</td> <td style="text-align: center;">0%</td> <td style="text-align: center;">0%</td> <td rowspan="3" style="text-align: center;">Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí</td> </tr> <tr> <td>Năm 2022</td> <td style="text-align: center;">0%</td> <td style="text-align: center;">0%</td> </tr> <tr> <td>Hiện tại</td> <td style="text-align: center;">42,25%</td> <td style="text-align: center;">42,25%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình tại TDM trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0%</p>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2021	0%	0%	Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí	Năm 2022	0%	0%	Hiện tại	42,25%	42,25%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú												
Năm 2021	0%	0%	Giá trị đầu tư tại BCTC Q3/2023 đã bao gồm thuế phí												
Năm 2022	0%	0%													
Hiện tại	42,25%	42,25%													

*Nguồn: CTCP Nước Thủ Dầu Một*

**5.5. Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát, chi phối đối với Công ty**

Không có.

**6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty**

Tại thời điểm thành lập ngày 07/11/2013, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện 07 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, và Công ty không thực hiện bất kỳ một đợt giảm vốn điều lệ nào. Vốn điều lệ hiện nay là 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng), tương ứng 100.000.000 cổ phiếu. Chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

**Bảng 2: Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
<b>Trước khi trở thành Công ty đại chúng</b>						
Ban đầu Năm 2013			200.000.000.000	Góp vốn thành lập	GCN ĐKDN cấp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/11/2013	Không có



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**



Tháng 09/2014 – 04/2015	Lần 1	40.000.000.000	240.000.000.000	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 5:1	Nghị quyết ĐHCĐ bắt thường số 23/ĐHCĐ-NQ ngày 15/02/2014  Nghị quyết số 83/ĐHCĐ-NQ ngày 23/12/2014	Không có
Tháng 12/2015	Lần 2	60.000.000.000	300.000.000.000	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 4:1	Nghị quyết ĐHCĐ bắt thường số 04/ĐHCĐ-NQ ngày 15/05/2015	Không có
<b>Sau khi trở thành Công ty đại chúng</b>						
Tháng 09/2016	Lần 3	47.810.143.750	347.810.143.750	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu (*)	Nghị quyết ĐHCĐ số 02A/ĐHCĐ-NQ ngày 01/03/2016	Không có
Tháng 07/2017	Lần 4	302.594.820.000	650.404.963.750	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHCĐ bắt thường số 08/NQ-ĐHCĐ ngày 15/03/2017  Nghị quyết của ĐHCĐ số 27/NQ-ĐHCĐ ngày 24/04/2017  GCN chào bán chứng khoán số 23/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/6/2017.  GCN ĐKDN thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/09/2017.	Không có
Tháng 01/2018	Lần 5	161.595.040.000	812.000.003.750	Phát hành cổ phiếu theo	Nghị quyết của ĐHCĐ bắt	Không có



				<p>chương trình lựa chọn cho người lao động (3.159.504 cổ phiếu)</p> <p>Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (13.000.000 cổ phiếu)</p>	<p>thường lần 2 số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/11/2017</p> <p>Công văn số 8457/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 19/12/2017 Báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.</p> <p>Công văn số 8673/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 29/12/2017 về Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ</p> <p>Công văn số 609/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 23/01/2018 báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.</p> <p>GCN ĐKDN thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/02/2018.</p>	
Tháng 06/2019	Lần 6	145.000.000.000	957.000.003.750	<p>Chào bán cổ phiếu ra công chúng qua đấu giá công khai (9.500.000 cổ phiếu)</p> <p>Phát hành cổ phiếu riêng lẻ</p>	<p>Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/10/2018.</p> <p>GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng và riêng lẻ số</p>	Không có

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**



				(5.000.000 cổ phiếu)	20/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 02/04/2019.  GCN ĐKDN thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/09/2019.	
Tháng 08/2020	Lần 7	43.000.000.000	1.000.000.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/3/2020.  Công văn số 5407/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 07/09/2020 báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP của TDM.  GCN ĐKDN thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/10/2022.	Không có

Nguồn: CTCP Nước Thủ Dầu Một

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



(\*) *Đợt tăng vốn này dựa trên Nghị quyết của ĐHCĐ số 02A/ĐHCĐ-NQ để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho dự án Nhà máy nước Bàu Bàng. Tuy nhiên, đến ngày 08/03/2016, Công ty trở thành Công ty đại chúng theo Công văn số 1046/UBCK-GSĐC ngày 08/03/2016 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán. Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một nhận thấy việc phát hành trên là chưa đủ điều kiện do không đăng ký với UBCKNN. Do vậy, theo Nghị quyết của HĐQT số 25/NQ-HĐQT ngày 07/12/2016, HĐQT đã phê duyệt việc hoàn trả tiền vốn góp cho các cổ đông tương ứng với phần tăng thêm 47.810.143.750 đồng (bao gồm cả phí chuyển tiền phát sinh do cổ đông thực hiện chuyển nhằm). Ngày 07/12/2016, Công ty đã phát hành thông báo số 194/TB-CPNTDM để thực hiện việc hoàn trả vốn góp trên cho các cổ đông. Tuy nhiên, đến hết thời gian hoàn trả theo thông báo trên, không có cổ đông nào yêu cầu hoàn trả lại tiền vốn đã góp. Công ty ghi nhận vốn góp tương ứng tăng thêm vào vốn điều lệ của Công ty. Do đó, Công ty đã ghi nhận tăng thêm vốn điều lệ theo đúng số tiền nhận được. Vì những lý do trên nên vốn điều lệ của công ty phát sinh là 3.750 (Ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.*

*Ngày 11/01/2017, UBCKNN ra Quyết định số 28/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK đối với Công ty trong việc phát hành chứng khoán ra công chúng nhưng không đăng ký với UBCKNN khi Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 347,81 tỷ đồng trong giai đoạn từ 01/12/2015 đến 30/09/2016. Hình thức xử phạt hành chính là phạt tiền mặt. Công ty đã hoàn thành triển khai Quyết định trên và đã thanh toán tiền vi phạm.*

Việc tăng vốn của Công ty đã được thuyết minh chi tiết tại các báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm. Các đơn vị thực hiện kiểm toán các báo cáo này đã chấp thuận và không có bất cứ ý kiến nào về việc các lần tăng vốn của Công ty.

**7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác**

Thời điểm	Công ty	Giá gốc vốn góp đầu năm (VND)	Giá trị vốn góp tăng thêm/thoái vốn (VND)	Giá gốc vốn góp tăng thêm/thoái vốn cuối năm (VND)	Phương thức thực hiện
Năm 2020	Công ty Cổ phần – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương (BWE)	695.758.875.002	365.404.484.190	1.061.163.359.192	Thực hiện mua thêm 14.437.500 cổ phần thông qua mua đấu giá 10 triệu cổ phần do BWE chào bán và mua 4.437.500 cổ phần thông qua phương thức thỏa thuận và khớp lệnh trên sàn với giá mua bình quân 25.309,4 đồng/cổ phiếu.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**



Thời điểm	Công ty	Giá gốc vốn góp đầu năm (VND)	Giá trị vốn góp tăng thêm/thoái vốn (VND)	Giá gốc vốn góp tăng thêm/thoái vốn cuối năm (VND)	Phương thức thực hiện
Năm 2021	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DNW)	160.730.007.495	36.188.490.000	196.918.497.495	Thực hiện quyền mua thêm cổ phần DNW trong đợt phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Số lượng cổ phần mua thêm là 2.412.566 cổ phần với giá mua là 15.000 đồng/cổ phiếu.
	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (Gia Tân)	0	43.550.000.000	43.550.000.000	Mua 2.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân ("GIWACO") (20% vốn điều lệ) từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước (Waseco) thông qua đợt đấu giá công khai với giá 14.275 đồng/cổ phần ngày 11/05/2021 và thực hiện quyền mua thêm 1.500.000 cổ phần trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu trong năm 2021
Năm 2022	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (Gia Tân)	43.550.000.000	39.000.000.000	82.550.000.000	Thực hiện quyền mua thêm 2.500.000 cổ phần trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu  Thực hiện quyền mua cổ phần trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ dưới hình thức chào bán cổ phần

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**



Thời điểm	Công ty	Giá gốc vốn góp đầu năm (VND)	Giá trị vốn góp tăng thêm/thoái vốn (VND)	Giá gốc vốn góp tăng thêm/thoái vốn cuối năm (VND)	Phương thức thực hiện
					riêng lẻ, kể cả cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân, số lượng được mua là 1.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần
9 tháng đầu năm 2023	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cấp nước Gia Tân – Cẩm Mỹ	0	12.000.000.000	12.000.000.000	Đăng ký mua 1.200.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 12.000.000.000 đồng. Kế hoạch thanh toán góp vốn chia làm 4 đợt (Đợt 1 góp 20% tương đương 240.000 cổ phiếu, kết thúc ngày 30/01/2023; Đợt 2 góp 30% tương đương 360.000 cổ phiếu, kết thúc ngày 30/03/2023; Đợt 3 góp 30% tương đương 360.000 cổ phiếu, kết thúc ngày 30/06/2023; và Đợt 4 góp 20% tương đương 240.000 cổ phiếu, kết thúc ngày 30/09/2023). Tính đến 30/09/2023, TDM đã góp đủ 12.000.000.000 đồng.
	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng nước DNP Quảng	0	25.914.609.960	25.914.609.960	Công ty thực hiện mua lại 2.535.180 cổ phần với giá chuyển nhượng là 10.222 đồng/cổ phần. Sau khi thực hiện giao dịch, tỷ lệ biểu quyết

Thời điểm	Công ty	Giá gốc vốn góp đầu năm (VND)	Giá trị vốn góp tăng thêm/thoái vốn (VND)	Giá gốc vốn góp tăng thêm/thoái vốn cuối năm (VND)	Phương thức thực hiện
	Bình				của Công ty TDM là 42,5%
	Công ty Cổ phần nước Gia Tân (Giwaco)	82.550.000.000	0	82.550.000.000	CTCP Cấp nước Gia Tân (Giwaco) thông qua tờ trình tăng thêm 50% Vốn điều lệ của công ty, số lượng phát hành thêm là 16.750.000 cổ phiếu. Tại thời điểm 30/09/2023, tổng số cổ phiếu của Công ty Giwaco là 41.225.750 cổ phiếu, sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu, tỷ lệ biểu quyết của Công ty TDM là tại Giwaco là 16,98%

Nguồn: CTCP Nước Thủ Dầu Một

## 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

### 8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất ngày 30/09/2023:

**Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ %/VĐL
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.066</b>	<b>94.259.643</b>	<b>94,26</b>
	- Cá nhân	1.043	64.131.136	64,13
	- Tổ chức	23	30.128.507	30,13
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>68</b>	<b>5.740.357</b>	<b>5,74</b>
	- Cá nhân	46	465.512	0,47
	- Tổ chức	22	5.274.845	5,27
27	<i>Trong đó: Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	0	0	0

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đồng	Số lượng CP	Tỷ lệ %/VDL
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
TỔNG CỘNG (1+2+3)		1.134	100.000.000	100

Nguồn: CTCP Nước Thủ Dầu Một

## 8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

## 8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

## 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: Căn cứ các Điều ước quốc tế có liên quan và căn cứ vào các quy định của pháp luật Việt Nam về các ngành nghề mà Công ty đã đăng ký và Công văn số 3434/UBCK-PTTT ngày 06/6/2022 của UBCKNN về hồ sơ Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty, giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một là 50%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 5,74% (theo Danh sách cổ đông tại ngày 30/09/2023).

## 10. Hoạt động kinh doanh

### 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

#### 10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào sản xuất nước sạch cung cấp cho Khu vực Nam Thủ Dầu Một thông qua kênh phân phối bán sỉ cho CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương qua đồng hồ tổng. Hiện nay công ty đang có 02 nhà máy nước bao gồm nhà máy nước Dĩ An công suất 200.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và Nhà máy nước Bàu Bàng công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nhà máy Nước Dĩ An (Dự án cấp nước mở rộng Nam Thủ Dầu Một) với tổng công suất 200.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nhà máy Nước Dĩ An được khai thác từ nguồn nước sông Đồng Nai dẫn về nhà máy để xử lý theo Giấy phép khai thác nước số 08/GP-UBND ngày 29/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.